

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tiến (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Trần Minh Công	Thành viên
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Thuận	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hồng Loan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Mảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành
Bà Hồ Thị Cúc	Giám đốc tài chính

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Vũ Ngọc Thuận, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



VŨ NGỌC THUẦN - Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đồng Tiến, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2018, từ trang 6 đến trang 47 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

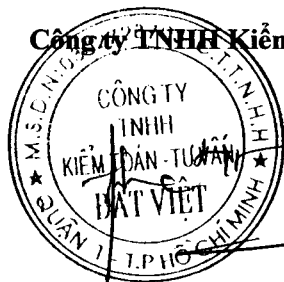
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THẾ HOÀNG – Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

NGUYỄN ĐỨC TẤN - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2666-2018-037-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		459.985.659.410	583.688.799.332
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		12.871.528.453	186.730.223.402
Tiền		111	V.1	12.871.528.453	186.730.223.402
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		235.671.293.578	224.548.826.013
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	198.527.286.626	201.665.789.314
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	5.140.238.286	2.674.372.407
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.4	20.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5a	13.701.696.616	21.899.799.135
5. Dự phòng phải thu khó đòi		137	V.6	(1.697.927.950)	(1.697.927.950)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	6.793.107
IV. Hàng tồn kho		140		180.929.798.704	141.076.633.859
1. Hàng tồn kho		141	V.7	181.186.336.609	141.591.899.818
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(256.537.905)	(515.265.959)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		30.513.038.675	31.333.116.058
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	3.085.197.666	208.636.652
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		19.275.225.981	26.815.086.236
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		153	V.15	8.152.615.028	4.309.393.170
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		230.233.704.293	158.911.293.980
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		540.600.000	540.600.000
Phải thu dài hạn khác		216	V.5b	540.600.000	540.600.000
II. Tài sản cố định		220		193.756.691.966	80.483.555.800
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	181.288.288.151	70.817.383.927
Nguyên giá		222		329.966.086.420	197.864.082.870
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(148.677.798.269)	(127.046.698.943)
2. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	12.468.403.815	9.666.171.873
Nguyên giá		228		12.930.196.549	12.930.196.549
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(461.792.734)	(3.264.024.676)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		2.070.421.318	46.934.167.018
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.11	2.070.421.318	46.934.167.018
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		32.713.120.000	29.738.800.000
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.12a	11.000.000.000	11.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	V.12b	19.713.120.000	16.738.800.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	V.12c	2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác		260		1.152.871.009	1.214.171.162
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.8b	828.631.806	254.280.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	652.804.935
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		324.239.203	307.086.227
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		690.219.363.703	742.600.093.312

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

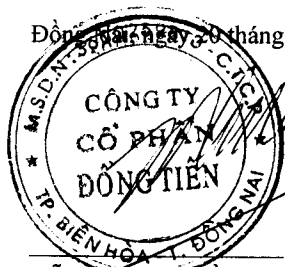
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		532.204.634.888	611.788.354.328
I. Nợ ngắn hạn	310		447.997.489.748	553.370.552.159
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	203.467.559.473	126.871.705.299
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.838.772.522	3.459.525.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	421.197.600	701.996.000
4. Phải trả người lao động	314		138.493.378.287	134.180.213.380
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	669.515.716	88.768.736
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	12.430.338.710	23.393.072.235
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	83.162.414.000	260.536.081.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	6.514.313.440	4.139.189.647
II. Nợ dài hạn	330		84.207.145.140	58.417.802.169
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	84.207.145.140	58.417.802.169
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.014.728.815	130.811.738.984
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	158.014.728.815	130.811.738.984
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.374.840.000	57.374.840.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>57.374.840.000</i>	<i>57.374.840.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.923.460.531	16.828.370.007
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.716.428.284	56.608.528.977
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>54.135.069.653</i>	<i>45.265.126.387</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>23.581.358.631</i>	<i>11.343.402.590</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		690.219.363.703	742.600.093.312

Đồng lập và ký ngày 20 tháng 3 năm 2018



VŨ NGỌC THUẬN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

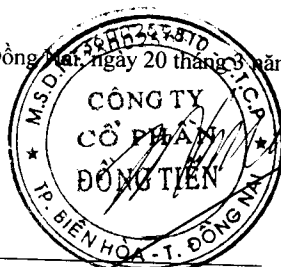
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.701.124.196.795	1.399.272.688.223
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.701.124.196.795	1.399.272.688.223
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.471.058.085.247	1.203.593.809.788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		230.066.111.548	195.678.878.435
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.980.981.795	8.794.150.657
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.184.276.202	11.920.817.717
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.149.184.942	5.414.922.102
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	73.200.269.190	54.487.635.714
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	82.608.874.715	70.487.986.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.053.673.236	67.576.589.058
11. Thu nhập khác	31		8.403.256.405	6.064.216.551
12. Chi phí khác	32		1.088.309.873	-
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	7.314.946.532	6.064.216.551
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76.368.619.768	73.640.805.609
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	15.417.714.525	14.784.211.780
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(12.262.922)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.950.905.243	58.868.856.751
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	VI.9	8.286	8.003
19. Lãi suy giảm trên cổ phần	71	VI.9	8.286	8.003

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2018



VŨ NGỌC THUẬN
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

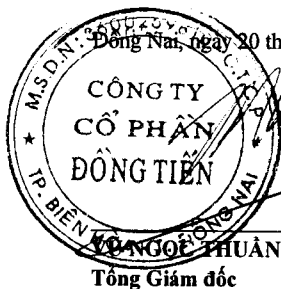
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B03-DN**Đơn vị tính: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.698.484.595.636	1.347.863.630.840
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.268.944.114.973)	(924.843.319.662)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(410.485.708.244)	(353.305.637.327)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(12.149.184.942)	(5.374.130.520)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(18.512.549.597)	(19.582.674.129)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		188.832.721.774	143.137.322.300
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(105.405.326.325)	(138.025.403.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		71.820.433.329	49.869.787.877
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(81.250.032.643)	(75.614.512.378)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		410.909.090	300.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.974.320.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.177.165.933	61.959.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(78.636.277.620)	(70.252.553.138)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.068.771.163.791	1.081.423.755.461
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.221.297.779.500)	(943.720.353.211)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.125.627.400)	(19.374.889.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(167.652.243.109)	118.328.512.850
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(174.468.087.400)	97.945.747.589
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		186.730.223.402	88.802.704.021
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		609.392.451	(18.228.208)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	12.871.528.453	186.730.223.402



Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Tông Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Kế toán trưởngNGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồng Tiến (tên tiếng Anh là Dong Tien Joint – Stock Company, tên viết tắt là Dovitec) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 ngày 6 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 8 năm 2008, chuẩn y việc:
 - + Thay đổi địa điểm trụ sở chính từ “Số 10, Đường 5, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai” sang “Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai”;
 - + Bổ sung vốn điều lệ từ 17.000.000.000 VND lên 25.500.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259810 thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 7 năm 2012, chuẩn y việc:
 - + Bổ sung vốn điều lệ từ 25.500.000.000 VND lên 38.250.000.000 VND;
 - + Bổ sung thông tin về chi nhánh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259810 thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 9 năm 2016, chuẩn y việc:
 - + Bổ sung vốn điều lệ từ 38.250.000.000 VND lên 57.374.840.000 VND;
 - + Bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh.

• **Vốn điều lệ** : 57.374.840.000 VND

Số cổ phần : 5.737.484 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	1.495.125	14.951.250.000	26,06%
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Số 211 – 213, Quốc lộ 15, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.434.375	14.343.750.000	25,00%
Ông Vũ Ngọc Thuần	8/9, tổ 16, Khu phố 3, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	121.905	1.219.050.000	2,12%
Các cổ đông khác		2.686.079	26.860.790.000	46,82%
Cộng		5.737.484	57.374.840.000	100%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (0251) 822 248

Fax : (0251) 823 441

Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 9 8 1 0

Chi nhánh

Tên chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồng Tiến – Xí nghiệp may 4

Địa chỉ : Ấp Bình Lâm, Xã Lộc An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Mã số VPĐD : 3 6 0 0 2 5 9 8 1 0 – 0 0 3

2. Lĩnh vực, kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh hiện nay của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay: Sản xuất các sản phẩm nhựa; Mua bán nguyên liệu, vật tư, sản phẩm ngành nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Số 10 Phan Trung, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	44,90%	44,90%	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng. Cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Lô số B1, Cụm Công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, Đồng Nai	48,57%	48,57%	May trang phục, thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	Số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	20,43%	20,43%	Kinh doanh bất động sản; bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.556 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.376 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán năm thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về bán thành phẩm, phải thu tiền phí gia công,...
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Amata.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí liên quan trực tiếp đến chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới liên quan đến việc xây dựng Dự án công trình nhà xưởng và văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Amata, xây dựng tổ hợp khu nhà cao tầng, xây dựng xí nghiệp 3 tại Trảng Bom và thi công hệ thống xử lý nước thải tại xí nghiệp 4 – Long Thành phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo đối số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phần được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phần phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phần phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phần.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt	135.488.864	117.660.252
Tiền gửi ngân hàng	12.736.039.589	186.612.563.150
Cộng	12.871.528.453	186.730.223.402

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	31/12/2016
Công ty Desipro	166.472.231.818	174.289.594.024
Công ty Itochu	4.460.269.732	4.945.298.817
Công ty Kido Industrial Co.LT	15.825.098.148	9.360.020.198
Công ty TNHH may mặc SM	1.697.927.950	1.697.927.950
Công ty Tamurakoma	317.491.474	1.071.823.725
Công ty Teijin Frontier	9.571.796.854	6.688.325.188
Công ty Kaiser	-	1.537.804.109
Công ty Sumitomo (Sumitex)	-	1.294.546.274
Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG	-	609.236.455
Các khách hàng khác	182.470.650	171.212.574
Cộng	198.527.286.626	201.665.789.314
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty CP Đồng Phú Cường	-	3.850.000
Cộng	-	3.850.000

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Phi Sơn	-	186.914.000
Công Ty Luen Hing Textile	81.962.168	316.855.485
Công Ty Unitex International B	-	309.119.050
Công ty Bangkok Sgreen Co., Ltd	233.685.910	765.370.385
Công Ty Shei Chung Hsin Industrial Co., Ltd	-	358.592.808
Công ty Zhejiang YGM	574.671.855	109.959.243
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho	2.480.000.000	-
Công ty TNHH SX - TM -XD Ngọc Khang VINA	491.370.000	-
Công ty TNHH Công Nghệ Nhân Trí Tín	455.458.000	-
Công ty Sumnet Enterprise (Hong kong) Co., Ltd	193.602.500	-
Các nhà cung cấp khác	629.487.853	627.561.436
Cộng	5.140.238.286	2.674.372.407

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Cộng	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000

Khoản cho Công ty TNHH May Đồng Phú Cường vay theo hợp đồng vay số 01/DOVTEC - PHU CUONG -VV/2017 ngày 18 tháng 11 năm 2017. Hạn mức cho vay 20.000.000.000 VND. Thời hạn vay 3 năm, với mức lãi suất 2%/năm (lãi suất vay theo mức lãi suất của ngân hàng thương mại theo lãi suất vay USD). Trả lãi vay vào cuối mỗi quý. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	13.701.696.616	-	21.899.799.135	-
Tạm ứng	131.050.451	-	153.134.612	-
Phải thu khác	13.570.646.165	-	21.746.664.523	-
Công ty CP Đồng Phú Cường	2.031.109.846	-	1.070.687.011	-
Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất (Tràng Bom)	1.745.786.463	-	1.936.755.301	-
Công ty CP Đồng Phú Bình	8.000.000.000	-	16.606.957.960	-
Huỳnh Thị Hồng Loan	495.000.000	-	495.000.000	-
Khác	1.298.749.856	-	1.637.264.251	-
b) Phải thu dài hạn khác	540.600.000	-	540.600.000	-
Ký quỹ, đặt cọc thuê tài chính	540.600.000	-	540.600.000	-
Cộng	14.242.296.616	-	22.440.399.135	-
Phải thu khác là các bên liên quan				
c) Công ty CP Đồng Phú Cường	2.031.109.846	-	1.070.687.011	-
Công ty CP Đồng Phú Bình	8.000.000.000	-	16.606.957.960	-
Cộng	10.031.109.846	-	17.677.644.971	-

6. Nợ xấu

	31/12/2017			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH May mặc SM	1.697.927.950	-	1.697.927.950	1.697.927.950	-	1.697.927.950
Cộng	1.697.927.950	-	1.697.927.950	1.697.927.950	-	1.697.927.950

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	72.865.962.558	-	53.053.755.770	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.886.783.207	-	42.723.584.528	-
Thành phẩm	44.999.957.170	256.537.905	45.189.137.285	515.265.959
Hàng hóa	294.451.818	-	489.858.184	-
Hàng gửi đi bán	139.181.856	-	135.564.051	-
Cộng	181.186.336.609	256.537.905	141.591.899.818	515.265.959

8. Chi phí trả trước

	31/12/2017	31/12/2016
a) Ngắn hạn	3.085.197.666	208.636.652
Công cụ, dụng cụ	2.689.499.499	208.636.652
Chi phí khác	395.698.167	-
b) Dài hạn	828.631.806	254.280.000
Chi phí thuê	828.631.806	254.280.000
Cộng	3.913.829.472	462.916.652

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2017	30.026.426.712	149.507.365.657	15.604.461.097	2.725.829.404	197.864.082.870
Tăng trong năm	90.756.783.317	42.782.887.981	2.252.305.000	2.265.090.908	138.057.067.206
<i>Mua sắm mới</i>	<i>1.252.115.000</i>	<i>39.815.607.981</i>	<i>2.252.305.000</i>	<i>2.265.090.908</i>	<i>45.585.118.889</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>89.504.668.317</i>	<i>2.967.280.000</i>	-	-	<i>92.471.948.317</i>
Giảm trong năm	-	5.955.063.656	-	-	5.955.063.656
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>5.955.063.656</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.955.063.656</i>
31/12/2017	120.783.210.029	186.335.189.982	17.856.766.097	4.990.920.312	329.966.086.420
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2017	24.842.748.366	92.462.948.187	7.418.494.477	2.322.507.913	127.046.698.943
Tăng trong năm	4.595.342.017	20.371.563.113	2.195.264.640	423.993.212	27.586.162.982
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>4.595.342.017</i>	<i>20.371.563.113</i>	<i>2.195.264.640</i>	<i>423.993.212</i>	<i>27.586.162.982</i>
Giảm trong năm	-	5.955.063.656	-	-	5.955.063.656
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>5.955.063.656</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.955.063.656</i>
31/12/2017	29.438.090.383	106.879.447.644	9.613.759.117	2.746.501.125	148.677.798.269

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị còn lại					
31/12/2016	5.183.678.346	57.044.417.470	8.185.966.620	403.321.491	70.817.383.927
31/12/2017	91.345.119.646	79.455.742.338	8.243.006.980	2.244.419.187	181.288.288.151
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
31/12/2016	15.841.356.989	61.929.800.112	3.183.641.553	2.117.190.681	83.071.989.335
31/12/2017	23.055.786.092	61.249.000.215	3.183.641.553	2.203.827.041	89.692.254.901
Giá trị còn lại các tài sản thế chấp các khoản vay:					
31/12/2016	-	23.833.815.186	3.553.817.656		27.387.632.842
31/12/2017	-	18.748.032.041	2.674.501.480		21.422.533.521

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tương ứng là 10.581.027.739 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 12.395.685.799 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

Ngoài ra, Công ty còn thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tương ứng là 8.167.004.302 VND và 2.674.501.480 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 11.438.129.387 VND và 3.553.817.656 VND) để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Itochu Textile Prominent (Asia) Limited.

10. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2017	12.930.196.549	12.930.196.549
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/12/2017	12.930.196.549	12.930.196.549
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2017	3.264.024.676	3.264.024.676
Tăng trong năm	461.792.734	461.792.734
Khấu hao trong năm	461.792.734	461.792.734
Giảm trong năm	3.264.024.676	3.264.024.676
<i>Giảm do điều chỉnh trình bày</i>	<i>3.264.024.676</i>	<i>3.264.024.676</i>
31/12/2017	461.792.734	461.792.734
Giá trị còn lại		
31/12/2016	9.666.171.873	9.666.171.873
31/12/2017	12.468.403.815	12.468.403.815

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	31/12/2016
Xây dựng cơ bản		
Dự án đầu tư công trình nhà xưởng + Văn phòng Công ty (tại Khu công nghiệp Amata)	909.090.909	45.772.836.609
Chi phí tư vấn xây dựng tổ hợp khu nhà cao tầng Phan Trung	631.090.909	631.090.909
Chi phí vẽ thiết kế xây dựng Xí nghiệp 3 - Trảng Bom	28.694.046	28.694.046
Chi phí thi công hệ thống xử lý nước thải Xí nghiệp 4 - Long Thành	501.545.454	501.545.454
Cộng	2.070.421.318	46.934.167.018

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty con (a)	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	19.713.120.000	-	19.713.120.000	16.738.800.000	-	16.738.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	32.713.120.000	-	32.713.120.000	29.738.800.000	-	29.738.800.000

a) Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/12/2017				01/01/2017			
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Số 10 Phan Trung, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng. Cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải	44,90%	11.000.000.000	-	11.000.000.000	44,90%	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Cộng				11.000.000.000	-	11.000.000.000		11.000.000.000	-	11.000.000.000

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình với giá trị vốn góp là 11.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 44,90% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình có trụ sở tại số 10 Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với hoạt động kinh doanh chính là đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải. Trong kỳ, Công ty không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình do công ty này đang kinh doanh lỗ, tuy nhiên do giá trị tài sản thuần lớn hơn số vốn thực góp nên không trích lập dự phòng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên các công ty liên kết	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/12/2017				01/01/2017			
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (ia)	Lô số B1, Cụm Công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, Đồng Nai	May trang phục, thương mại, dịch vụ	40,00%	13.174.320.000	-	13.174.320.000	48,57%	10.200.000.000		10.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng (iia)	Số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	Kinh doanh bất động sản; bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng	20,43%	6.538.800.000	-	6.538.800.000	20,43%	6.538.800.000		6.538.800.000
Cộng				19.713.120.000	-	19.713.120.000		16.738.800.000		16.738.800.000

(ia) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với giá trị vốn góp là 13.174.320.000 VND, chiếm tỷ lệ 40,00% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường có trụ sở tại Lô số B1, Cụm công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai với hoạt động kinh doanh chính là may trang phục, thương mại và dịch vụ. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này với số tiền là 5.040.000.000 VND.

(iia) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng với giá trị vốn góp là 6.538.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,43% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng có trụ sở tại số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản; bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng. Trong kỳ, Công ty không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng do công ty này đang kinh doanh lỗ, tuy nhiên do giá trị tài sản thuần lớn hơn số vốn thực góp nên không trích lập dự phòng.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như sau:

- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị niêm yết, giá hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	79.974.715.396	79.974.715.396	43.075.152.789	43.075.152.789
Công Ty TNHH Nanu Sài Gòn	8.113.996.660	8.113.996.660	9.167.275.638	9.167.275.638
Công ty TNHH -MTV CK XD Huy Hoàng	2.913.844.766	2.913.844.766	5.368.273.636	5.368.273.636
Công ty Shinhinh (Việt Nam)	1.942.334.547	1.942.334.547	2.683.678.421	2.683.678.421
Công ty Phong Phú	3.469.657.767	3.469.657.767	4.119.064.355	4.119.064.355
Công ty YKK	12.884.484.213	12.884.484.213	7.463.837.165	7.463.837.165
Công ty Mainetti Việt Nam	6.471.591.675	6.471.591.675	4.765.542.082	4.765.542.082
Công ty TNHH Việt Phú	3.948.753.039	3.948.753.039	2.581.841.687	2.581.841.687
Công Ty TNHH MTV Dệt Vinh Phát	3.806.023.047	3.806.023.047	5.295.886.638	5.295.886.638
Công ty TNHH Moririn Việt Nam	2.398.989.664	2.398.989.664	2.199.365.254	2.199.365.254
Công ty TNHH Avery Dennison	12.997.883.698	12.997.883.698	6.885.001.147	6.885.001.147
Doanh nghiệp tư nhân Liên Châu	-	-	3.368.914.575	3.368.914.575
Nhà cung cấp khác	64.545.285.001	64.545.285.001	29.897.871.912	29.897.871.912
Cộng	203.467.559.473	203.467.559.473	126.871.705.299	126.871.705.299
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	-	18.661.102	18.661.102
Công ty CP Đồng Phú Cường	79.974.715.396	79.974.715.396	43.075.152.789	43.075.152.789
Cộng	79.974.715.396	79.974.715.396	43.093.813.891	43.093.813.891

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Công ty Prominent	58.739.641	95.179.988
Công ty Prominent Spain (TG)	-	8.919.878
Công ty Tamurakoma	986.032.500	986.032.500
Công ty Tamurakoma (TG1)	1.612.422.216	2.144.735.347
Công ty KTC Trading	178.687.482	221.766.966
Các khách hàng khác	2.890.683	2.890.683
Cộng	2.838.772.522	3.459.525.362

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.447.452.515	1.447.452.515	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	132.878.166	132.878.166	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.794.457.696)	15.417.714.525	18.512.549.597	(5.889.292.768)
Thuế thu nhập cá nhân	(812.939.474)	9.631.782.846	10.660.968.032	(1.842.124.660)
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(1.514.935.474)	8.091.825.150	8.840.211.936	(2.263.322.260)
Thuế thu nhập cá nhân - đầu tư vốn	701.996.000	561.596.800	842.395.200	421.197.600
Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên		978.360.896	978.360.896	-
Các loại thuế khác	-	1.243.987.164	1.243.987.164	-
Thuế môn bài		5.000.000	5.000.000	-
Thuế nhà thầu		61.623.317	61.623.317	-
Thuế đất		1.177.363.847	1.177.363.847	-
Cộng	(3.607.397.170)	27.873.815.216	31.997.835.474	(7.731.417.428)

(*) Trình bày trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	4.309.393.170	8.152.615.028
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	701.996.000	421.197.600

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% đối với hàng bán trong nước và 0% đối với hàng xuất khẩu

- Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Chi phí lãi vay phải trả	53.193.534	33.768.736
Chi phí dịch vụ kiểm toán	60.000.000	55.000.000
Chi phí hoa hồng	556.322.182	-
Cộng	669.515.716	88.768.736

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả khác

	31/12/2017	31/12/2016
Phải trả ngắn hạn khác		
BHXX	428.178.121	492.177.168
Phải trả cổ tức cá nhân	412.169.850	478.127.400
Phải trả cổ tức Quỹ Đầu tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	4.303.125.000	7.171.875.000
Phải trả cổ tức Công ty CP may Việt Tiến	4.485.375.000	7.475.625.000
Công ty CP Đầu tư & Phát Triển Bình Thắng	-	6.182.255.194
Phải trả khác	2.801.490.739	1.593.012.473
Cộng	12.430.338.710	23.393.072.235
 Phải trả khác là các bên liên quan		
Tổng Công ty CP May Việt Tiến	4.485.375.000	7.475.625.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	4.303.125.000	7.171.875.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	-	6.182.255.194
Cộng	8.788.500.000	20.829.755.194

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2017	Năm 2016
Tại 01/01	4.139.189.647	1.696.483.828
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	13.409.199.153	12.951.148.486
Chi khác trong năm	(345.381.433)	(1.349.455.318)
Chi quỹ trong năm	(10.688.693.927)	(9.158.987.349)
Tại 31/12	6.514.313.440	4.139.189.647

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	83.162.414.000	83.162.414.000	1.045.142.717.650	1.222.516.385.150	260.536.081.500	260.536.081.500
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>67.988.278.800</i>	<i>67.988.278.800</i>	<i>1.029.968.582.450</i>	<i>1.212.207.885.550</i>	<i>250.227.581.900</i>	<i>250.227.581.900</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai						
(i)	41.362.240.200	41.362.240.200	416.354.391.300	456.992.622.200	82.000.471.100	82.000.471.100
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai						
(ii)	26.626.038.600	26.626.038.600	608.311.367.150	749.912.439.350	168.227.110.800	168.227.110.800
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	5.302.824.000	5.302.824.000		-
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>15.174.135.200</i>	<i>15.174.135.200</i>	<i>15.174.135.200</i>	<i>10.308.499.600</i>	<i>10.308.499.600</i>	<i>10.308.499.600</i>
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.735.135.200	1.735.135.200	1.735.135.200	1.304.499.600	1.304.499.600	1.304.499.600
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.735.135.200	1.735.135.200	1.735.135.200	1.304.499.600	1.304.499.600	1.304.499.600
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân đến hạn trả	13.439.000.000	13.439.000.000	13.439.000.000	9.004.000.000	9.004.000.000	9.004.000.000
Itochu Textile Prominent (Asia) Limited	4.547.000.000	4.547.000.000	4.547.000.000	4.558.000.000	4.558.000.000	4.558.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	8.892.000.000	8.892.000.000	8.892.000.000	4.446.000.000	4.446.000.000	4.446.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	84.207.145.140	84.207.145.140	41.021.120.591	15.231.777.620	58.417.802.169	52.764.879.409
Vay dài hạn ngân hàng	3.904.145.140	3.904.145.140	-	1.748.777.620	5.652.922.760	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (iii)	3.904.145.140	3.904.145.140		1.748.777.620	5.652.922.760	-
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân	80.303.000.000	80.303.000.000	41.021.120.591	13.483.000.000	52.764.879.409	52.764.879.409
Itochu Textile Prominent (Asia) Limited (iv)	13.641.000.000	13.641.000.000		4.591.000.000	18.232.000.000	18.232.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (v)	66.662.000.000	66.662.000.000	41.021.120.591	8.892.000.000	34.532.879.409	34.532.879.409
Tổng cộng	167.369.559.140	167.369.559.140	1.086.163.838.241	1.237.748.162.770	318.953.883.669	313.300.960.909

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có chi tiết các vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 2017063/HM/NHNT ngày 07 tháng 7 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của Hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này nhưng không vượt quá ngày 05 tháng 7 năm 2018. Khoản vay này chịu lãi suất điều chỉnh theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.819.320,00 USD tương đương 41.362.240.200 VND (số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.598.090,00 USD tương đương 82.000.471.100 VND).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- (1) Thế chấp máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2014021/HĐBĐ/NHNT ngày 18/8/2014 (Xem Thuyết minh số V.8);
- (2) Thế chấp máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2017089/HĐBĐ/NHNT ngày .../07/2017 (Xem Thuyết minh số V.8);
- (3) Thế chấp Phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2014022/HĐBĐ/NHNT ngày 18/8/2014 (Xem Thuyết minh số V.8);
- (4) Thế chấp quyền góp vốn theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2011017/HĐBĐ/NHNT ngày 8/7/2011

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01.84.8024/2017-HĐCVHM/NHCT680-DOVITEC ngày 01/11/2017 với hạn mức vay là 190.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức tín dụng được sử dụng chung cho các hình thức: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của Hợp đồng vay là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2018 và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất được quy định trong từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần theo Thông báo của Ngân hàng (được tính: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở (+) 3,5%/năm). Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.170.890,00 USD tương đương 26.626.038.600 VND (số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.384.860,00 USD tương đương 168.300.959.400 VND).
- (iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 2016.003/TL/KHDN ngày 25/01/2016 với hạn mức là 419.776,00 USD (tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của phương án), thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay này là phương án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất năm đầu tiên cố định trong kỳ hạn 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (3,5%/năm), lãi suất các năm tiếp theo được tính bằng (=) Lãi suất Libor có kỳ 6 tháng cộng (+) với mức biên (margin, được Ngân hàng thông báo). Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được trả hàng quý kể từ sau thời gian ân hạn tính cho từng khoản vay và số tiền lãi được trả vào ngày 26 hàng tháng. Đối với các khoản vay đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, Công ty sử dụng các máy móc thiết bị được hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 2016.02/HDBD/NHNT ngày 25/01/2016 có giá trị 13.465.814.400 VND để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.8).

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Vay USD		Vay USD	
	USD	Quy đổi VND	USD	Quy đổi VND
Trong vòng 1 năm	76.320	1.735.135.200	57.240	1.304.499.600
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	171.724	3.904.145.140	248.044	5.652.922.760
Cộng	248.044	5.639.280.340	305.284	6.957.422.360
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(76.320)	(1.735.135.200)	(57.240)	(1.304.499.600)
Số phải trả sau 12 tháng	171.724	3.904.145.140	248.044	5.652.922.760

- (iv) Công ty có khoản vay dài hạn Itochu Textile Prominent (Asia) Limited tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Hợp đồng vay ngày 20/10/2016 với hạn mức là 1.000.000 USD. Thời hạn của Hợp đồng vay là 5 năm với mức lãi suất 1,75%/năm. Mục đích của khoản vay này là mua trang thiết bị cho nhà máy của công ty. Số tiền vay và số tiền lãi được trả hàng quý kể từ ngày 31/01/2017. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là máy móc thiết bị theo Thỏa thuận thế chấp 20/10/2016 có giá trị 1.000.657,88 USD (xem Thuyết minh số V.8).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Itochu Textile Prominent (Asia) Limited được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Vay USD		Vay USD	
	USD	Quy đổi VND	USD	Quy đổi VND
Trong vòng 1 năm	200.000	4.547.000.000	200.000	4.558.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	600.000	13.641.000.000	800.000	18.232.000.000
Cộng	800.000	18.188.000.000	1.000.000	22.790.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(200.000)	(4.547.000.000)	(200.000)	(4.558.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	600.000	13.641.000.000	800.000	18.232.000.000

(v) Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Hợp đồng vay số 06/2016/HĐTD-TD ngày 27 tháng 6 năm 2016 với hạn mức là 80.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 10 năm với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này là đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu để di dời trụ sở tại Khu công nghiệp Amata. Thời gian ân hạn là 12 tháng. Số tiền vay được trả hàng tháng là 741.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2017 kèm theo số tiền lãi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 30/2016/HĐTC-TD ngày 27/6/2016.

Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	Vay VND	Vay VND
Trong vòng 1 năm	8.892.000.000	4.446.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	66.662.000.000	75.554.000.000
Cộng	75.554.000.000	80.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(8.892.000.000)	(4.446.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	66.662.000.000	75.554.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2016	38.250.000.000	30.066.324.332	45.265.126.387	113.581.450.719
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	58.353.464.774	58.353.464.774
Tăng vốn trong năm từ Quỹ đầu tư phát triển	19.124.840.000	(19.124.840.000)	-	-
Trích lập các quỹ		5.886.885.675	(18.838.034.161)	(12.951.148.486)
Chia cổ tức trong năm trước			(28.687.420.000)	(28.687.420.000)
31/12/2016	57.374.840.000	16.828.370.007	56.608.528.977	130.811.738.984
1/01/2017	57.374.840.000	16.828.370.007	56.608.528.977	130.811.738.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	60.950.905.243	60.950.905.243
Trích lập các quỹ	-	6.095.090.524	(19.504.289.677)	(13.409.199.153)
Tăng khác (*)			3.264.024.676	3.264.024.676
Chia cổ tức	-	-	(22.388.339.200)	(22.388.339.200)
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(561.596.800)	(561.596.800)
Giảm khác (*)	-	-	(652.804.935)	(652.804.935)
31/12/2017	57.374.840.000	22.923.460.531	77.716.428.284	158.014.728.815

(*) Khoản tăng khác là khoản thu nhập chịu thuế đối với khoản phân bổ tiền thuê đất khu công nghiệp Amata từ năm 2009 đến năm 2016 với số tiền 3.264.024.676 VND, Công ty đã hạch toán vào chi phí từ các năm trước, Công ty đã tính thuế hoãn lại và đã nộp thuế đối với khoản chi phí này tương ứng với số tiền 652.804.935 VND.

Trong năm, Công ty chia cổ tức đợt 2 năm 2016 cho các cổ đông với tỷ lệ 10%/mệnh giá (1.000 VND/cổ phần) theo Quyết định số 02/HĐQT-QĐ ngày 22/4/2017 và tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2017 cho các cổ đông với tỷ lệ 30%/mệnh giá (3.000 VND/cổ phần) theo Quyết định số 05/HĐQT-QĐ ngày 20/12/2017.

Công ty trích lập Quỹ phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ tương ứng là 15% và 10% lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty; trích lập Quỹ khen thưởng theo tỷ lệ 7% lợi nhuận sau thuế được quy định trong Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 ngày 31/5/2008.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259810 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/9/2016, vốn điều lệ của Công ty là 57.374.840.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 với cơ cấu như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259810 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/9/2016			Vốn góp thực tế		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)	01/01/2017	Góp trong năm	31/12/2017
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	1.434.375	14.343.750.000	25,00%	14.343.750.000	-	14.343.750.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	1.495.125	14.951.250.000	26,06%	14.951.250.000	-	14.951.250.000
Ông Vũ Ngọc Thuận	121.905	1.219.050.000	2,12%	1.219.050.000	-	1.219.050.000
Các cổ đông khác	2.686.079	26.860.790.000	46,82%	26.860.790.000	-	26.860.790.000
Cộng	5.737.484	57.374.840.000	100%	57.374.840.000	-	57.374.840.000

Cổ phần

	31/12/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.737.484	5.737.484
Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	5.737.484	5.737.484
Cổ phần phổ thông	5.737.484	5.737.484
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
Cổ phần phổ thông	-	-
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.737.484	5.737.484
Cổ phần phổ thông	5.737.484	5.737.484
Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Ngoại tệ*

	Đơn vị tính	31/12/2017	31/12/2016
Đô la Mỹ	USD	158.097,80	7.894.999,55

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Đơn vị tính: VND****1. Doanh thu**

	2017	2016
Doanh thu bán hàng hóa	9.166.386.485	26.532.163.385
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.691.957.810.310	1.372.740.524.838
Cộng	1.701.124.196.795	1.399.272.688.223

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa	7.370.590.811	948.019.411
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.463.687.494.436	1.202.645.790.377
Cộng	1.471.058.085.247	1.203.593.809.788

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	27.165.933	249.630.473
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.150.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.533.335.354	8.544.520.184
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	270.480.508	-
Cộng	10.980.981.795	8.794.150.657

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	12.149.184.942	5.414.922.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.035.091.260	5.800.790.198
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	705.105.417
Cộng	16.184.276.202	11.920.817.717

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	140.635.126	138.216.807
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	60.776.469.096	43.463.610.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.352.458.915	617.020.930
Chi phí bằng tiền khác	10.930.706.053	10.268.787.811
Cộng	73.200.269.190	54.487.635.714

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
Chi phí nhân viên quản lý	51.942.885.719	49.099.766.370
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	4.128.058.330	2.101.670.914
Chi phí khấu hao	2.531.641.158	2.165.407.489
Thuế, phí và lệ phí	1.699.334.328	2.776.723.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.974.919.658	990.297.207
Chi phí bằng tiền khác	20.332.035.522	13.354.120.869
Cộng	82.608.874.715	70.487.986.603

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	410.909.090	305.561.066
Lãi thanh lý, nhượng bán phế liệu	287.689.600	313.843.200
Thu nhập cho thuê tài sản	6.836.064.077	5.131.028.898
Thu nhập khác	868.593.638	313.783.387
Thu nhập khác	8.403.256.405	6.064.216.551
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	978.354.923	-
Chi phí khác	109.954.950	-
Chi phí khác	1.088.309.873	-
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	7.314.946.532	6.064.216.551

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.368.619.768	73.640.805.609
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	719.952.858	280.253.290
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	6.497.771.235	2.970.868.788
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(5.777.818.377)	(2.690.615.498)
Tổng thu nhập chịu thuế	77.088.572.626	73.921.058.899
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	15.417.714.525	14.784.211.780

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

9. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	2017	2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	60.950.905.243	58.868.856.751
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(13.409.199.153)	(12.951.148.486)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	47.541.706.090	45.917.708.265
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.737.484	5.737.484
Lãi cơ bản trên cổ phần	8.286	8.003

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	47.541.706.090	45.917.708.265
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	47.541.706.090	45.917.708.265
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.737.484	5.737.484
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.737.484	5.737.484
Lãi suy giảm trên cổ phần	8.286	8.003

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	527.925.853.831	402.957.096.924
Chi phí nhân viên	457.741.593.130	417.267.874.256
Chi phí khấu hao	28.047.955.716	20.875.687.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.222.799.932	10.212.024.781
Chi phí bằng tiền khác	620.903.045.107	481.458.593.675
Cộng	1.646.841.247.716	1.332.771.277.561

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2017	2016
Chi phí lãi vay phải trả	53.193.534	33.768.736
Cổ tức phải trả	9.200.669.850	15.125.627.400
Lãi cho vay phải thu	-	187.671.233
Phải trả tiền mua sắm tài sản	12.091.708.863	8.995.168.954

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	33.768.736	19.011.099
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong năm	15.125.627.400	6.515.092.800
Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu năm nay	187.671.233	554.038.889
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	8.995.168.954	5.028.287.605

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết vốn đầu tư

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết vốn đầu tư trọng yếu như sau:

- Công ty ký hợp đồng thực hiện dự án thi công hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp 4 – Long Thành với Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp Tấn Lộc theo Hợp đồng số 39/2015/HĐKT ngày 8/8/2015 với trị giá chưa thuế VAT là 527.820.000 VND (thuế VAT 10%). Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm tại ngày 31/12/2017 là 501.545.454 VND, công ty sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư vốn trong tương lai để hoàn thành dự án với trị giá còn lại của dự toán là 26.274.546 VND.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai
Ông Vũ Ngọc Thuận
Công ty CP Đồng Phú Bình
Công ty CP Đồng Phú Cường
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông, Tổng Giám đốc
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	2017	2016
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng	-	831.755.546
Mua hàng	187.315.000	479.823.729
Chia cổ tức	8.970.750.000	7.475.625.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai		
Vay ngắn hạn	-	4.446.000.000
Vay dài hạn	41.021.120.591	38.978.879.409
Chia cổ tức	8.606.250.000	7.171.875.000
Ông Vũ Ngọc Thuận		
Chia cổ tức	463.239.000	609.525.000
Công ty CP Đồng Phú Bình		
Chi phí cụm khu công nghiệp Phú Cường	-	1.950.014.455
Thu tiền thi công	4.595.455	-
Công ty CP Đồng Phú Cường		
Bán hàng	-	70.227.300
Cho thuê máy móc thiết bị	6.953.076.177	5.131.028.898
Lãi vay phải thu	-	187.671.233
Phí xuất, nhập hàng	5.206.405.090	4.545.342.708
Phí gia công	462.124.505.851	360.791.200.492
Mua thành phẩm	-	19.769.091
Bán máy móc, thiết bị	109.954.950	-
Bán cối đóng móc quần	7.057.150	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 31/12/2017, số dư giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Mua hàng	-	18.661.102
Phải trả tiền cổ tức	4.485.375.000	7.475.625.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai		
Vay ngắn hạn	-	4.446.000.000
Vay dài hạn	66.662.000.000	34.532.879.409
Phải trả tiền cổ tức	4.303.125.000	7.171.875.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng		
Phí tư vấn, giám sát, xây dựng kỹ thuật hạ tầng	-	6.182.255.194
Công ty CP Đồng Phú Bình		
Phải thu phí cụm khu công nghiệp Phú Cường	8.000.000.000	16.606.957.960
Công ty CP Đồng Phú Cường		
Phải thu tiền hàng	-	3.850.000
Phải trả tiền phí gia công	79.974.715.396	43.075.152.789
Phải thu phí xuất, nhập hàng	2.031.109.846	1.070.687.011

Thu nhập của Ban điều hành, quản lý và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban điều hành, quản lý và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	<u>2017</u>	<u>2016</u>
Tiền lương, thưởng	18.844.996.651	16.069.423.211
Cộng	18.844.996.651	16.069.423.211

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Các khoản vay	167.369.559.140	318.953.883.669
Trừ: Tiền	(12.871.528.453)	(186.730.223.402)
Nợ thuần	154.498.030.687	132.223.660.267
Vốn chủ sở hữu	158.014.728.815	130.811.738.984
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	98%	101%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền	12.871.528.453	12.871.528.453	186.730.223.402	186.730.223.402
Phải thu khách hàng	198.527.286.626	198.527.286.626	201.665.789.314	201.665.789.314
Phải thu khác	14.111.246.165	14.111.246.165	22.287.264.523	22.287.264.523
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	227.510.061.244	227.510.061.244	412.683.277.239	412.683.277.239
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	203.467.559.473	203.467.559.473	126.871.705.299	126.871.705.299
Chi phí phải trả	669.515.716	669.515.716	88.768.736	88.768.736
Phải trả khác	12.002.160.589	12.002.160.589	22.900.895.067	22.900.895.067
Các khoản vay	167.369.559.140	167.369.559.140	318.953.883.669	318.953.883.669
Cộng	383.508.794.918	383.508.794.918	468.815.252.771	468.815.252.771

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi về giá của hàng hóa, nguyên vật liệu mua vào.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chuyên sản xuất hàng may mặc bán trong nước và xuất khẩu; máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh chủ yếu là nhập khẩu; vốn lưu động của Công ty phần lớn là vốn vay ngoại tệ,... do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu của khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền	12.871.528.453	-	-	12.871.528.453
Phải thu khách hàng	198.527.286.626	-	-	198.527.286.626
Phải thu khác	13.570.646.165	540.600.000	-	14.111.246.165
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	224.969.461.244	2.540.600.000	-	227.510.061.244
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	203.467.559.473	-	-	203.467.559.473
Chi phí phải trả	669.515.716	-	-	669.515.716
Phải trả khác	12.002.160.589	-	-	12.002.160.589
Các khoản vay	83.162.414.000	84.207.145.140	-	167.369.559.140
Cộng	299.301.649.778	84.207.145.140	-	383.508.794.918
Chênh lệch thanh khoản thuần	(74.332.188.534)	(81.666.545.140)	-	(155.998.733.674)
31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền	186.730.223.402	-	-	186.730.223.402
Phải thu của khách hàng	201.665.789.314	-	-	201.665.789.314
Phải thu khác	21.746.664.523	540.600.000	-	22.287.264.523
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	410.142.677.239	2.540.600.000	-	412.683.277.239
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	126.871.705.299	-	-	126.871.705.299
Chi phí phải trả	88.768.736	-	-	88.768.736
Phải trả khác	22.900.895.067	-	-	22.900.895.067
Các khoản vay	260.536.081.500	58.417.802.169	-	318.953.883.669
Cộng	410.397.450.602	58.417.802.169	-	468.815.252.771
Chênh lệch thanh khoản thuần	(254.773.363)	(55.877.202.169)	-	(56.131.975.532)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12 KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

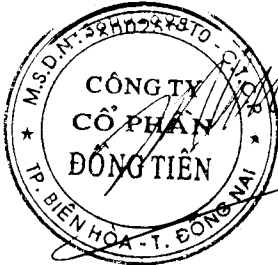
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2018



VŨ NGỌC THUẬN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Người lập biểu